

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 3 - 2020

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hiền.

2/ Ông Nguyễn Văn Bạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 06 và ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 559/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Cẩm N, sinh năm 1980.

HKTT: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Nơi ở hiện nay: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1971.

HKTT: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

Nơi ở hiện nay: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N, anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Cẩm N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H chung sống vợ chồng năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 08/8/2000. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị N khuyên răn thì anh H có hành vi đánh đập chị. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Cẩm N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/10/2001 và Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 23/02/2009. Hiện con chung tên Nguyễn Văn T đã thành niên, chị N không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc Đ, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị N và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Huỳnh Thị Cẩm N về việc xác lập quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị N. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương chị N, anh muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/10/2001 và Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 23/02/2009. Hiện con chung tên Nguyễn Văn T đã thành niên và lao động được, anh H không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao con chung tên Nguyễn Quốc Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi cháu Đ 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị N và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị Cẩm N có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Anh H đang cư trú tại địa bàn huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn H xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Điền, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị N, anh H bất đồng quan điểm sống, anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thường xuyên đánh đập chị. Chị N đã cho anh H nhiều cơ hội sửa chữa lỗi lầm, khuyên can anh H để cùng chăm lo cho gia đình, anh H chỉ hứa nhưng không thực hiện được. Tòa án đã tổ chức hòa giải

đoàn tụ và tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn tình cảm nhưng không được. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, chị N được ly hôn với anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/10/2001 và Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 23/02/2009. Hiện con chung tên Nguyễn Văn T đã thành niên và lao động được, chị N, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn T Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Đ có nguyện vọng được sống chung với chị N, chị N có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và anh H cũng đồng ý giao cháu Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị N, giao con chung tên Nguyễn Quốc Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng nhưng anh H không đồng ý, anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Nhận thấy, anh H hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng do anh H yêu cầu, buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Quốc Đ 1.000.000 đồng/tháng.

[5] Về tài sản chung: Chị N, anh H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N và anh H khai thống nhất không có.

[7] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và anh Nguyễn Thanh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Cẩm N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Cẩm N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 23/02/2009 cho chị Huỳnh Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 17247 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị N đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDH. C;
- CCTHADS H. C;
- UBND xã H;
- H. T, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Kim Loan